TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/DS-ST
Ngày: 21-4-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quãng Thanh Trung

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Thành Nhân
2. Ông Nguyễn Trần Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quí, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh *tham gia phiên tòa*: Ông Đặng Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-DS ngày 13/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2025/QĐST-DS ngày 03/4/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V; chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số B, L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Nguyễn Đình T; chức vụ: Giám đốc ngân hàng N– chi nhánh N1.

(Theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Trần Thanh P; chức vụ: Phó Giám đốc ngân hàng N – chi nhánh N1, có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền số 46/UQ-NHNoNDH ngày 02/12/2024).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1980, vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Trần Thanh P trình bày:

Ngày 29/10/2020, ngân hàng N - chi nhánh thị xã N1 *(nay được chuyển giao lại cho chi nhánh N1)* và bà Nguyễn Thị Thu K có ký hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-202004043, cụ thể:

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Nuôi tôm.
- Thời gian vay: 36 tháng.
- Lãi suất cho vay trong hạn: 10%/năm.
- Lãi suất cho vay quá hạn: 15%/ năm, lãi phạt chậm trả 10%/năm.
- Kỳ trả nợ 03 kỳ: Kỳ 01 vào ngày 29/10/2021 trả gốc 60.000.000 đồng; kỳ 02 vào ngày 29/10/2022 trả gốc 70.000.000 đồng; kỳ 03 vào ngày 29/10/2023 trả gốc 70.000.000 đồng. Bà K đã nhận đủ tiền vay. Kỳ trả nợ gốc và lãi ngày 29/10/2021 đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến ngày 29/10/2022.
- Hình thức vay: Không thế chấp tài sản bảo đảm.

Hiện tại bà K đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng N - chi nhánh N1 và các cam kết trong hợp đồng vay vốn. Ngân hàng đã nhiều lần cử cán bộ làm việc với bà K để đôn đốc trả nợ nhưng bà K vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Tạm tính đến ngày 08/10/2024, bà K còn thiếu ngân hàng số tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 77.687.673 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.823.836 đồng, tiền lãi chậm trả là 9.660.031 đồng, tổng cộng 303.171.540 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu bà K phải trả đủ số tiền nêu trên và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu K luôn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; bà K cũng không có lời khai.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Trần Thanh P trình bày:

Giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện như trong quá trình giải quyết vụ án; yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu K phải trả cho ngân hàng N – chi nhánh N1 số tiền vay tạm tính đến ngày 21/4/2025, trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng,

tiền lãi trong hạn là 88.372.604 đồng, tiền lãi quá hạn là 21.138.904 đồng, tiền lãi chậm trả là 12.784.418 đồng, tổng cộng 322.295.926 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu K vắng mặt không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đều tống đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, 103 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng N – chi nhánh N1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu K phải trả cho ngân hàng N – chi nhánh N1 số tiền vay tính đến ngày 21/4/2025, trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 88.372.604 đồng, tiền lãi quá hạn là 21.138.904 đồng, tiền lãi chậm trả là 12.784.418 đồng, tổng cộng 322.295.926 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Các tình tiết, sự kiện đương sự đã thống nhất và không phải chứng minh: Không có.

Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất:

- Ngân hàng N – chi nhánh N1 yêu cầu bà K phải trả số tiền vay tạm tính đến ngày 21/4/2025, trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 88.372.604 đồng, tiền lãi quá hạn là 21.138.904 đồng, tiền lãi chậm trả là 12.784.418 đồng, tổng cộng 322.295.926 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ngân hàng N – chi nhánh N1 khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu K; yêu cầu bà K phải trả đủ số tiền vay. Bị đơn bà K không có yêu cầu phản tố nào

khác. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bà K có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng N – chi nhánh N1:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngân hàng đã cung cấp hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-202004043 ngày 29/10/2020 có chữ ký của bà K.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến kỳ hạn trả nợ nhưng bà K không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự và vi phạm hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-202004043 ngày 29/10/2020. Ngân hàng đã thường xuyên trực tiếp đến nhà bà K để đôn đốc trả nợ, cho ký cam kết trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán tất nợ cho ngân hàng.

Từ những cơ sở phân tích nêu trên, xét thấy ngân hàng N – chi nhánh N1 khởi kiện yêu cầu bà K phải trả số tiền vay tính đến ngày 21/4/2025, trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 88.372.604 đồng, tiền lãi quá hạn là 21.138.904 đồng, tiền lãi chậm trả là 12.784.418 đồng, tổng cộng 322.295.926 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 322.295.926 đồng X 5% = 16.115.000 đồng.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 317, 318, 319, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 100, 103 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng N – chi nhánh N1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu K phải trả cho ngân hàng N – chi nhánh N1 số tiền vay tạm tính đến ngày 21/4/2025, trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 88.372.604 đồng, tiền lãi quá hạn là 21.138.904 đồng, tiền lãi chậm trả là 12.784.418 đồng, tổng cộng 322.295.926 đồng *(ba trăm hai mươi hai triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi sáu)* đồng.

Kể từ ngày 22/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7410-LAV-202004043 ngày 29/10/2020.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 16.115.000 *(mười sáu triệu một trăm mười lăm nghìn)* đồng.

- Ngân hàng N – chi nhánh N1 không phải chịu án phí; hoàn trả ngân hàng N – chi nhánh N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.579.000 *(bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn)* đồng theo biên lai số 0014452 ngày 19 tháng 11 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải thu.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quãng Thanh Trung